

**CÔNG TY TNHH DAICAPHAR**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DAICAPHAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAICAPHAR COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109752230

**3. Ngày thành lập:** 23/09/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

N3-X1, Ngõ 17, Hoàng Ngọc Phách, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0906 688 998

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ. Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác. Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành). Bán buôn dược phẩm (Điều 32 Luật Dược số 105/2016/QH13), dụng cụ y tế (Điều 37, 39 Nghị Định 36/2016/NĐ-CP, Điều 1 Nghị định 169/2018/NĐ-CP) | 4649(Chính) |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế (Điều 37, 39 Nghị Định 36/2016/NĐ-CP, Điều 1 Nghị định 169/2018/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4659        |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4669        |
| 4.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn khẩu trang y tế, khẩu trang kháng khuẩn, khẩu trang vải; đồ bảo hộ y tế; găng tay y tế (Điều 37, 39 Nghị Định 36/2016/NĐ-CP, Điều 1 Nghị định 169/2018/NĐ-CP); Bán buôn hàng may mặc.                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4641        |
| 5.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ trang thiết bị y tế, dụng cụ y tế (Điều 37, 39 Nghị Định 36/2016/NĐ-CP, Điều 1 Nghị định 169/2018/NĐ-CP). Bán lẻ dược phẩm (Điều 32 Luật Dược số 105/2016/QH13). Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh;                                                                                                                                                                                                                              | 4772        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 6.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy hải sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; Bán buôn đường (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm chức năng | 4632                                                                |
| 7.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4721                                                                |
| 8.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm từ thịt; thủy hải sản; rau, quả; cà phê; chè; trứng và sản phẩm từ trứng; dầu, mỡ động thực vật; hạt tiêu, gia vị khác; đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm chức năng                                                                                            | 4722                                                                |
| 9.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4711                                                                |
| 10. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4723                                                                |
| 11. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7730                                                                |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610                                                                |
| 13. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4791                                                                |
| 14. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện                                                                                                                                                 | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI MINH HẢO   | Việt Nam  | 111 Phùng Văn Cung, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 3.000.000.000         | 60,000    | 022770486                                                                                               |         |
| 2   | PHẠM PHONG LAN | Việt Nam  | 111 Phùng Văn Cung, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 2.000.000.000         | 40,000    | 024874083                                                                                               |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 23/09/2021 đến ngày 23/10/2021

\* Họ và tên: BÙI MINH HÀO

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 10/11/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022770486

Ngày cấp: 10/05/2011

Nơi cấp: Công An Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: *111 Phùng Văn Cung, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *111 Phùng Văn Cung, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội